

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 07-09, đường số 07, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 7777 9999 Fax:
- Email: info@louiscapital.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Giải trình số liệu tại Báo cáo tài chính Quý IV/2021 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2021 của Công ty Cổ phần Louis Capital, cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; và Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này:

Chỉ tiêu	Quý IV/ 2020	Quý IV/ 2021	Chênh lệch	% Thay đổi
LNST tại báo cáo công ty mẹ	(39.384.816.751)	6.942.645.093	46.327.461.844	117,63%
LNST tại báo cáo hợp nhất(*)	(39.384.816.751)	34.492.616.115	73.877.432.866	187,58%

(*) Trong quý IV/2020, Công ty Cổ phần Louis Capital không đầu tư vào các công ty con và không lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên nhân:

- + Từ Quý II/2021, Công ty đã thay đổi định hướng kinh doanh sang lĩnh vực đầu tư, mua bán nợ.
- + Trong kỳ Công ty thanh lý các khoản đầu tư; bán các khoản đầu tư trong danh mục chứng khoán kinh doanh dẫn đến kết quả kinh doanh tăng mạnh hơn so với cùng kỳ.
- + Do trong quý IV/2020, Công ty thực hiện dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi cũng như dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên 37.676.709.119 đồng, chi phí tài chính tăng 1.236.444.211 đồng gây ảnh hưởng trọng yếu đến LNST quý IV/2020.

Trong quý IV/2021, LNST tại báo cáo công ty hợp nhất tăng chủ yếu từ LNST của các công ty con.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại đường dẫn: <https://louiscapital.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô Thục Vũ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Của

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo tài chính riêng	1-14
Bảng Cân đối kế toán	1-2
Báo cáo Kết quả kinh doanh	3
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	4
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	5-14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2021	01-01-2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.739.026.830	74.989.516.379
I. Tiền	110	V.1	854.611.950	769.018.622
Tiền	111		854.611.950	769.018.622
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46.495.520.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	46.495.520.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.691.962.794	58.583.409.211
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	901.150.793	42.618.011.759
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.190.812.001	1.174.653.001
Các khoản phải thu khác	136	V.5	6.600.000.000	57.951.002.312
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(43.160.257.861)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.520.266.395	15.294.230.438
Hàng tồn kho	141		1.520.266.395	15.294.230.438
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		176.665.691	342.858.108
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.000.000	3.987.090
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11b	173.665.691	338.855.019
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11b	-	15.999
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		340.628.465.640	182.443.441.879
II. Tài sản cố định	220		-	1.881.550.097
Tài sản cố định hữu hình	221		-	1.881.550.097
- Nguyên giá	222		300.000.000	3.288.289.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(300.000.000)	(1.406.738.994)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	32.365.443.007	32.323.443.007
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.365.443.007	32.323.443.007
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		295.622.330.000	135.251.435.794
Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	210.530.330.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	83.300.000.000	122.792.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1.792.000.000	14.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1.540.564.206)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.640.692.633	12.987.012.981
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	12.640.692.633	12.987.012.981
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		398.367.492.470	257.432.958.258

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2021	01-01-2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.006.271.096	16.012.820.755
I. Nợ ngắn hạn	310		79.853.271.096	11.908.154.083
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	69.038.743.306	5.980.081.858
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.463.422.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	6.734.578.011	-
Phải trả người lao động	314		309.769.613	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		299.667.891	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		2.139.465.547	2.301.560.985
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9a	-	832.042.012
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.331.046.728	1.331.046.728
II. Nợ dài hạn	330		6.153.000.000	4.104.666.672
Phải trả dài hạn khác	337	V.12	6.153.000.000	3.473.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9b	-	631.666.672
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312.361.221.374	241.420.137.503
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	312.361.221.374	241.420.137.503
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.472.227.919	(34.468.855.952)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(35.175.392.464)	9.014.324.970
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71.647.620.383	(43.483.180.922)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		398.367.492.470	257.432.958.258

Người lập biểu



Phùng Vũ Tú Anh

Kế toán trưởng



Phùng Vũ Tú Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2022

Tổng Giám đốc



Ngô Thục Vũ

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	VI.1	833.085.305	3.411.825.000	18.721.345.029	10.219.183.190
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		833.085.305	3.411.825.000	18.721.345.029	10.219.183.190
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	765.447.463	3.383.655.952	18.259.677.498	10.134.252.623
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.637.842	28.169.048	461.667.531	84.930.567
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.176.094.134	176.069.529	64.141.527.263	1.962.191.710
Chi phí tài chính	22	VI.4	27.183.205.743	1.308.039.095	27.665.266.115	1.475.113.823
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.468.583.248	71.594.884	7.748.616.625	238.669.612
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.270.675.716	38.072.870.773	(39.371.991.951)	43.841.683.713
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.210.149.483)	(39.176.671.291)	76.309.920.630	(43.269.675.259)
Thu nhập khác	31		3.025.243.945	13.636.364	3.025.243.972	13.636.364
Chi phí khác	32		466.194.043	221.781.824	1.129.637.765	227.142.027
Lợi nhuận khác	40		2.559.049.902	(208.145.460)	1.895.606.207	(213.505.663)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.651.099.581)	(39.384.816.751)	78.205.526.837	(43.483.180.922)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	(8.593.744.674)	-	6.557.906.454	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.942.645.093	(39.384.816.751)	71.647.620.383	(43.483.180.922)

Người lập biểu



Phùng Vũ Tú Anh

Kế toán trưởng



Phùng Vũ Tú Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2022

Tổng Giám đốc



Ngô Thục Vũ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	30.154.922.931	(540.889.903)
1. Lợi nhuận trước thuế	78.205.526.837	(43.483.180.922)
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	209.565.454	344.168.976
Các khoản dự phòng	(44.700.822.067)	43.118.746.172
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(63.794.724.438)	(27.457.290)
Chi phí lãi vay	7.748.616.625	238.669.612
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	(22.331.837.589)	190.946.548
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	93.216.909.605	364.431.907
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	13.773.964.043	2.253.243.705
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	(249.699.461)	(3.278.335.776)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	347.307.438	360.357.496
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	(46.495.520.000)	
Tiền lãi vay đã trả	(7.748.616.625)	(120.522.102)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(357.584.480)	(311.011.681)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(28.605.620.919)	(305.179.075)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tsản dài hạn khác	(42.000.000)	(427.636.365)
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tsản dài hạn khác	1.325.181.818	27.272.728
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(229.030.330.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	135.000.000.000	95.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	64.141.527.263	184.562
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(1.463.708.684)	(1.101.791.409)
Tiền thu từ đi vay	884.082.209.681	
Tiền trả nợ gốc vay	(885.545.918.365)	(1.101.791.409)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	85.593.328	(1.947.860.387)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	769.018.622	2.716.879.009
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	854.611.950	769.018.622

Người lập biểu



Phùng Vũ Tú Anh

Kế toán trưởng



Phùng Vũ Tú Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2022

Tổng Giám đốc



Ngô Thục Vũ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Louis Capital (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105787835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 29 tháng 12 năm 2021,

Hoạt động chính của Công ty là: Tư vấn tài chính, Kinh doanh chứng khoán, Sáp nhập và mua bán doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 07-09, đường số 07, Khu đô thị Sala, P. An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TPHCM

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 . Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2 . Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

4 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

5 . Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
---------------------	------------

6 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7 . Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

8 . Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

9 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

10 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

11 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ

Liên quan đến hoạt động khách sạn, khu vui chơi giải trí, bệnh viện và các dịch vụ có liên quan khác, doanh thu được ghi nhận khi các dịch vụ được thực hiện.

13 . Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31-12-2021	01-01-2021
Tiền mặt	143.689.913	686.750.737
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	710.922.037	82.267.885
	854.611.950	769.018.622

2 Các khoản đầu tư tài chính

	31-12-2021			01-01-2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

a) Chứng khoán kinh doanh

<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng</i>	46.495.520.000	46.495.520.000	-	-	-	-
-------------------------------------------	----------------	----------------	---	---	---	---

	31-12-2021			01-01-2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư vào công ty con

<i>Công ty cổ phần Golden Paddy (1)</i>	75.000.000.000	75.000.000.000	-
-----------------------------------------	----------------	----------------	---

<i>Công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (6)</i>	88.700.000.000	88.700.000.000	-
-------------------------------------------------------------------	----------------	----------------	---

<i>Công ty cổ phần Sametel (7)</i>	44.830.330.000	44.830.330.000	-
------------------------------------	----------------	----------------	---

<i>Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global(8)</i>	2.000.000.000	2.000.000.000	-
-------------------------------------------------	---------------	---------------	---

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

<i>Công ty Cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên (2)</i>	-	-	-	1.792.000.000	1.792.000.000	-
--------------------------------------------------------	---	---	---	---------------	---------------	---

<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 299 (3)</i>	-	-	-	76.000.000.000	76.000.000.000	-
--------------------------------------------------	---	---	---	----------------	----------------	---

<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Vinh (4)</i>	-	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-
----------------------------------------------------------------	---	---	---	----------------	----------------	---

<i>Công ty TNHH Angimex Furious (9)</i>	83.300.000.000	83.300.000.000	-	-	-	-
-----------------------------------------	----------------	----------------	---	---	---	---

- Đầu tư vào công ty khác	1.792.000.000	1.792.000.000	-	14.000.000.000	12.459.435.794	1.540.564.206
<i>Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia (5)</i>				<i>14.000.000.000</i>	<i>12.459.435.794</i>	<i>1.540.564.206</i>
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên (2)</i>	<i>1.792.000.000</i>	<i>1.792.000.000</i>	<i>-</i>			

(1) Trong năm 2021, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Golden Paddy theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10 tháng 09 năm 2021, giữa công ty CP Louis Capital và bà Từ Thị Hồng Thanh, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 7.500.000, mệnh giá 10.000đ/ cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 75.000.000.000 đồng chiếm 68.18% vốn điều lệ CTCP Golden Paddy

(2) Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập vào Công ty Cổ phần Du Lịch Ao Giời -Suối Tiên theo nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐQT-TG ngày 27 tháng 05 năm 2019, với giá trị vốn góp là 12.500.000.000 VND chiếm 25% tỷ lệ cổ phần CTCP DL Ao Giời -Suối Tiên theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 2601027955 ngày 29 tháng 05 năm 2019. Đến thời điểm này, Công ty đã góp 1.792.000.000 VND tương đương 3,584% vốn điều lệ CTCP DL Ao Giời - Suối Tiên.

(3) Trong năm 2018, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển 299 theo Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐQT-TG ngày 20 tháng 12 năm 2018, giá trị hợp đồng là 76.000.000.000VND để mua lại 8.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đ/ cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển 299 (trong đó mua của ông Nguyễn Văn Dương 3.500.000 cổ phiếu với giá 33.250.000.000VND, mua của ông Nguyễn Văn Phương 4.500.000 cổ phiếu với giá trị 42.750.000.000 VND).

Năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho ông Hà Văn Quý.

(4) Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập vào Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Công nghiệp Tân Vinh theo nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐQT-TG ngày 21 tháng 08 năm 2019 chiếm 45% vốn điều lệ của công ty CPDTHT Tân Vinh theo GCNDKDN số 5400510484, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2019. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đã góp đủ vốn là 45.000.000.000VND vào CTCPDTHTCN Tân Vinh.

Năm 2021, Công ty đã thoái vốn tại CTCPDTHTCN Tân Vinh

(5) Trong năm 2018, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28 tháng 03 năm 2018, giữa công ty CP Louis Capital và Ông Nguyễn Thành Trụ, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 175.000 và mệnh giá là 100.000đ/ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 14.000.000.000 đồng.

Năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho ông Hà Việt Nam.

(6) Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập vào Công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC theo nghị quyết số 42/2021/TGG/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 10 năm 2021, với giá trị vốn góp là 5.000.000.000 VND và theo nghị quyết số 45/2021/TGG/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021, với giá trị vốn góp là 84.000.000.000 VND. Đến thời điểm này, Công ty đã góp 88.700.000.000 VND tương đương 63,81% vốn điều lệ công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC.

(7) Ngày 26/08/2021, Công ty mua 1.284.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Sametel với giá trị chuyển nhượng là 11.300đ/cp, mệnh giá 10.000 đ/CP, tổng giá trị chuyển nhượng: 14.510.330.000 VNĐ.

Ngày 25/10/2021, Công ty mua 1.516.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Sametel với giá trị chuyển nhượng là 20.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/CP, tổng giá trị chuyển nhượng là 30.320.000.000 VNĐ, chiếm 51.21% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Sametel

(8) Ngày 22/12/2021, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global, chiếm 100% vốn điều lệ theo Quyết nghị số 40/2021/TGG/NQ-HĐQT

(9) Ngày 31/12/2021, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của Công ty TNHH Angimex Furious theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 30/12/2021 giữa Công ty Louis Capital và Công ty cổ phần XNK An Giang, mua vốn góp của Angimex Furious - chiếm 49% trên tổng vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng, tổng giá trị chuyển nhượng : 83.300.000.000 đồng

3 Phải thu khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	31-12-2021	01-01-2021
	901.150.793	42.618.011.759
	901.150.793	42.618.011.759

4 . Trả trước cho người bán		31-12-2021	01-01-2021
	Trả trước ngắn hạn cho người bán: hoạt động SXKD	1.190.812.001	1.174.653.001
		1.190.812.001	1.174.653.001

5 . Phải thu ngắn hạn khác		31-12-2021	01-01-2021
	Phải thu khác- Trần Duy Kiều	-	53.625.594.719
	Tạm ứng cho nhân viên	-	4.325.407.593
	Ký quỹ dự án Tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ	6.600.000.000	
		6.600.000.000	57.951.002.312

6 . Hàng tồn kho	31-12-2021		01-01-2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu	-	2.306.029.519	-
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.520.266.395	1.520.266.395	-
	Hàng hóa	-	11.467.934.524	-
Cộng	1.520.266.395	-	15.294.230.438	-

- Nguyên liệu, vật liệu: bột bả, thép, đá, xi măng, sơn...

- Hàng hóa: đá, thép, công trình nhà máy Golden Paddy

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: các chi phí phục vụ cho dự án Trang trại chăn nuôi lợn

7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31-12-2021		01-01-2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	- Dự án trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp (1)	29.403.282.225	29.403.282.225	29.403.282.225
	- Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên	2.962.160.782	2.962.160.782	2.920.160.782
	Cộng	32.365.443.007	32.365.443.007	32.323.443.007

Chú thích:

(1) Dự án "Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 25121000446 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thời gian dự kiến nghiệm thu và khai thác trong quý II/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa thực hiện xong và đang tạm ngừng thi công. Công ty đang tiến hành các thủ tục điều chỉnh quy mô, mục tiêu và tiến độ thực hiện dự án. Công ty sử dụng phần đất dự trữ phát triển của dự án để thực hiện việc hợp tác kinh doanh cho mục đích nông nghiệp (bao gồm trồng cây, chăn nuôi theo quy mô nhỏ...) với Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Môi Trường Đông Nam Á. Thời gian thực hiện hợp đồng hợp tác này là 3 năm kể từ ngày 15/11/2018 đến ngày 14/11/2021.

(2) Dự án "Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời- Suối Tiên" tại huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2326622576 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục để thực hiện dự án.

8 . Chi phí trả trước

Dài hạn		31-12-2021	01-01-2021
	Phân bổ phí đi thuê sản thương mại	12.640.692.633	12.987.012.981
	Cộng	12.640.692.633	12.987.012.981

9 . Vay và nợ thuê tài chính

	31-12-2021		Trong năm		01-01-2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Công ty APG	-	-	298.490.423.517	298.490.423.517	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà	-	-	-	956.357.575	956.357.575	956.357.575
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	-	-	-	192.351.109	192.351.109	192.351.109
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài	-	-	-	315.000.000	315.000.000	315.000.000
Công ty Trí Việt	-	-	532.942.336.164	532.942.336.164	-	-
Cộng			831.432.759.681	832.896.468.365	1.463.708.684	1.463.708.684

10 . Phải trả người bán

	31-12-2021		01-01-2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các bên thứ ba				
			69.038.743.306	5.980.081.858
			69.038.743.306	5.980.081.858
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH 1 thành viên Nghĩa Hằng	69.038.743.306	69.038.743.306	5.980.081.858	5.980.081.858
Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP	1.289.417.078	1.289.417.078	1.289.417.078	1.289.417.078
Công ty Cổ phần XNK An Giang	64.800.000.000	64.800.000.000	1.349.488.860	1.349.488.860
Phải trả các đối tượng khác	2.949.326.228	2.949.326.228	3.341.175.920	3.341.175.920

11 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :

	31-12-2021	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2021
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.688.413.063	1.688.413.063	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.557.890.455	6.915.474.935	357.584.480	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân từ lương	144.046.886	144.046.886	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân từ lãi vay	32.640.670	32.640.670	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
	6.734.578.011	8.785.575.554	2.050.997.543	-
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nội địa	173.665.691	(165.189.328)	-	338.855.019
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	(15.999)	-	15.999
	173.665.691	(165.205.327)	-	338.871.018

12 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31-12-2021	01-01-2021
Dài hạn		
- Hợp tác đầu tư dự án Ao Giời Suối Tiên	6.153.000.000	3.473.000.000
Cộng	6.153.000.000	3.473.000.000

13 . **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư và Phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	2.889.093.455	9.014.324.970	284.903.318.425
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	(43.483.180.922)	(43.483.180.922)
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	2.889.093.455	(34.468.855.952)	241.420.137.503
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	71.647.620.383	71.647.620.383
Giảm do truy thu thuế	-	-	(706.536.5.12)	(706.536.5.12)
Số dư cuối kỳ	272.999.900.000	2.889.093.455	36.472.227.919	312.361.221.374

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31-12-2021		01-01-2021	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Công ty cổ phần Louis Holdings	76.014.000.000	27,8%		
Bà Đặng Mai Hương			16.302.100.000	6,0%
Các cổ đông khác	196.985.900.000	72,2%	256.697.800.000	94,0%
	272.999.900.000	100%	272.999.900.000	100%

Cổ phiếu

	31-12-2021	01-01-2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/ ban hành ra công chúng	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu bán hàng hóa	13.897.784.647	10.047.458.190
- Doanh thu công trình nhà máy Golden Paddy	3.909.090.909	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.241.460	171.725.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	811.228.013	
	18.721.345.029	10.219.183.190

2 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
- Giá vốn bán hàng hóa	13.773.964.043	10.022.382.815
- Giá vốn hoạt động xây lắp	3.636.363.636	
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	111.869.808	111.869.808
- Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý	737.480.011	
Cộng	18.259.677.498	10.134.252.623

3 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi NH, cho vay (*)	64.141.527.263	1.962.191.710
Cộng	64.141.527.263	1.962.191.710

(*) Chi tiết:

Lãi tiền gửi ngân hàng	64.159.811	184.562
Lãi kinh doanh chứng khoán	63.903.306.210	
Lãi chậm thanh toán theo công nợ của Công ty xây dựng Trường Giang	174.061.242	700.070.490
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh với CTCP ĐTPT tài nguyên môi trường Đông Nam Á		1.256.936.658
Lãi từ việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần		5.000.000
	64.141.527.263	1.962.191.710

4 . Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí tài chính (*)	27.665.266.115	1.475.113.823
Cộng	27.665.266.115	1.475.113.823

(*) Trong đó:

Phí mua bán chứng khoán	1.521.822.486	
Phí ứng trước của sàn ck để mua cổ phiếu	228.716.576	
Lãi vay	7.519.900.049	238.669.612
Lỗ do bán chứng khoán	19.935.391.210	
(Hoàn nhập)/ Trích lập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(1.540.564.206)	1.236.444.211
Cộng	27.665.266.115	1.475.113.823

5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	1.153.811.179	1.030.614.261
Chi phí đồ dùng văn phòng		20.570.478
Chi phí khấu hao TSCĐ	209.565.454	344.168.976
Thuế, phí và lệ phí	3.987.090	16.666.670
Chi phí dự phòng(*)	(43.160.257.861)	41.882.301.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.142.067.276	354.950.540
Chi phí bằng tiền khác	1.278.834.911	192.410.827
Cộng	(39.371.991.951)	43.841.683.713

(*) Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi do đã thu hồi được nợ trong năm 2021.

6 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.557.906.454	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.557.906.454	-

Người lập biểu



Phùng Vũ Tú Anh

Kế toán trưởng



Phùng Vũ Tú Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2022

Tổng Giám đốc



Ngô Thục Vũ